

THÔNG TƯ
CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Hướng dẫn cho vay vốn tín dụng ưu đãi thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước

Căn cứ Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 177/CP ngày 20 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ, Bộ Tài chính hướng dẫn cho vay vốn tín dụng ưu đãi thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Vốn tín dụng ưu đãi thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước (sau đây gọi tắt là vốn tín dụng Nhà nước) dùng để cho vay thực hiện các dự án, mục tiêu, chương trình do Chính phủ quy định đã ghi trong kế hoạch Nhà nước, bao gồm:

Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, các cơ sở sản xuất tạo việc làm có khả năng thu hồi vốn.

Các dự án đầu tư trọng điểm của Nhà nước trong từng thời kỳ (điện, xi măng, sắt thép, cấp thoát nước...).

Một số dự án khác của các ngành có khả năng thu hồi vốn được ghi trong kế hoạch Nhà nước.

Việc cho vay ưu đãi do Chính phủ quyết định cụ thể cho từng đối tượng trong từng thời kỳ kế hoạch.

2. Tổng cục đầu tư phát triển trực thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm quản lý, cho vay vốn tín dụng Nhà nước đối với chủ đầu tư theo phương thức:

2.1- Cục đầu tư phát triển (Chi cục) trực tiếp cho vay.

2.2- Ủy nhiệm Ngân hàng thương mại được chọn cho vay vốn Tín dụng Nhà nước đối với các dự án vay vốn nước ngoài cho doanh nghiệp vay lại.

3. Lãi suất vay vốn Tín dụng Nhà nước theo quy định của Chính phủ. Phí ủy nhiệm cho Ngân hàng thương mại hoặc phí dịch vụ do Bộ Tài chính quy định.

4. Các tổ chức trong hệ thống Tổng cục Đầu tư phát triển và Ngân hàng được ủy nhiệm cho vay vốn Tín dụng Nhà nước (sau đây gọi tắt là cơ quan cho vay vốn) chịu trách nhiệm quản lý, trực tiếp cho

vay, kiểm tra việc sử dụng vốn vay, thu nợ vay (gốc và lãi) theo đúng Điều lệ quản lý Đầu tư và xây dựng, Hợp đồng vay vốn và Hợp đồng uỷ nhiệm cho vay.

5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, trả nợ vay (gốc và lãi) đúng Hợp đồng vay vốn và ký với cơ quan cho vay; Báo cáo, quyết toán thực hiện đầu tư và vốn đầu tư theo đúng chế độ hiện hành gửi cơ quan cho vay vốn.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Trình tự lập, bảo vệ, phê duyệt kế hoạch vốn Tín dụng Nhà nước.

1.1. Kế hoạch năm:

a) Chủ đầu tư lập kế hoạch vốn kèm theo luận chứng kinh tế kỹ thuật và tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với dự án mới) gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư để tổng hợp, gửi và bảo vệ kế hoạch với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính. Ủy ban Kế hoạch tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Sau khi kế hoạch năm được duyệt và được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thông báo các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đăng ký kế hoạch vay vốn với Bộ Tài chính để chủ đầu tư có căn cứ ký hợp đồng tín dụng với cơ quan cho vay.

Kế hoạch vốn tín dụng Nhà nước hàng năm được duyệt là căn cứ để ngân sách Nhà nước chuyển vốn cho Tổng cục Đầu tư phát triển làm nguồn vốn cho vay hoặc chuyển vốn cho Ngân hàng Thương mại được uỷ nhiệm cho vay.

b) Cơ quan cấp trên của chủ đầu tư duyệt kế hoạch đầu tư hàng năm của từng dự án, gửi 2 bản cho Tổng cục đầu tư phát triển để chuyển cho cơ quan cho vay vốn làm căn cứ quản lý, cho vay theo kế hoạch được duyệt.

c) Trường hợp phát sinh yêu cầu điều chỉnh vốn trong năm kế hoạch đã duyệt, chủ đầu tư phải giải trình lý do (có ý kiến của cơ quan cho vay vốn) với cơ quan quyết định đầu tư xem xét xử lý.

d) Trường hợp cho vay bằng nguồn vay nước ngoài, chủ đầu tư phải lập và gửi Tổng cục Đầu tư phát triển kế hoạch rút vốn vay phù hợp với yêu cầu và điều kiện đã ghi trong Hiệp định Tín dụng.

1.2- Kế hoạch quý:

a) Chủ đầu tư căn cứ kế hoạch năm được duyệt và kế hoạch tiến độ thực hiện đầu tư trong quý, lập kế hoạch vốn vay trong quý kế hoạch gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và cơ quan cho vay vốn.

Nội dung kế hoạch gồm các chỉ tiêu:

Giá trị khối lượng đầu tư và vốn vay đã thực hiện từ đầu năm đến hết quý báo cáo. Trong đó: số vốn vay nước ngoài đã rút (nếu có).

Giá trị khối lượng đầu tư và vốn vay để thực hiện kế hoạch quý này. Trong đó: rút vốn vay nước ngoài (nếu có).

Vốn trả nợ (gốc và lãi) quý này theo Hợp đồng vay vốn. Trong đó: số vốn phải trả nợ (gốc, lãi) nước ngoài (nếu có).

b) Cơ quan cho vay vốn căn cứ kế hoạch của các chủ đầu tư để tổng hợp kế hoạch vốn Tín dụng Nhà nước thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý, cho vay gửi Tổng cục Đầu tư phát triển.

c) Căn cứ kế hoạch vốn hàng quý được Bộ Tài chính duyệt, Tổng cục đầu tư phát triển thông báo cho cơ quan cấp trên của chủ đầu tư để lập hạn mức vốn vay từng dự án gửi Tổng cục đầu tư.

Hạn mức vốn vay quý lập 4 liên, chuyển sang Tổng cục Đầu tư phát triển, để đồng ký. Tổng cục lưu 1 liên, chuyển cơ quan cho vay 1 liên, trả lại cơ quan cấp trên của chủ đầu tư 2 liên để lưu 1 liên và gửi 1 liên cho chủ đầu tư.

2. Chuyển vốn ngân sách Nhà nước sang Tổng cục đầu tư phát triển.

2.1. Ngân sách Trung ương chuyển vốn cho Tổng cục đầu tư phát triển, để cho vay vốn hoặc để Tổng cục Đầu tư phát triển chuyển vốn cho Ngân hàng Thương mại được uỷ nhiệm cho vay đối với chủ đầu tư.

2.2. Căn cứ chuyển vốn là: kế hoạch vốn tín dụng hàng quý đã được Bộ Tài chính duyệt và văn bản đề nghị chuyển vốn của Tổng cục Đầu tư phát triển để Ngân sách làm thủ tục chuyển vốn NSNN cho Tổng cục Đầu tư phát triển.

2.3. Hình thức chuyển vốn:

Vốn trong nước (đồng VN): Ngân sách chuyển vốn bằng Lệnh chi NSNN/TW cấp cho Tổng cục đầu tư phát triển vào tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước Trung ương.

Vốn nước ngoài (vay nợ, viện trợ): Khi nhận vốn của nước ngoài, Ngân sách chuyển vốn bằng ghi thu NSNN, ghi chi vốn đầu tư cho Tổng cục Đầu tư phát triển. Trường hợp Ngân hàng Thương mại được chọn, được uỷ nhiệm trực tiếp nhận vốn nước ngoài thì thực hiện theo Thông tư số 18-TC/TCĐN ngày 5/3/1994 của Bộ Tài chính.

2.4. Hệ thống Tổng cục Đầu tư phát triển sử dụng vốn NSNN đã cấp để cho vay ưu đãi:

Căn cứ số vốn do NSTW chuyển, Tổng cục Đầu tư phát triển phân phối cho cơ quan cho vay vốn bằng Thông báo hạn mức vốn được cho vay. Thông báo phải lập 4 liên, Tổng cục Đầu tư phát triển

lưu 1 liên, gửi cơ quan cho vay 1 liên KBNN lưu 1 liên và chuyển 1 liên cho KBNN tỉnh, thành phố làm căn cứ thanh toán các khoản vay.

Số vốn đã cho vay và Kho bạc Nhà nước cơ sở đã thanh toán cơ quan cho vay báo cáo về Tổng cục theo hướng dẫn riêng.

3. Hợp đồng tín dụng ưu đãi thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

3.1. Hợp đồng uỷ nhiệm cho vay:

a) Tổng cục Đầu tư phát triển ký Hợp đồng với Ngân hàng được chọn uỷ nhiệm cho vay vốn Tín dụng Nhà nước.

b) Hợp đồng ký cho từng dự án hoặc tổng hợp các dự án đầu tư bằng vốn Tín dụng Nhà nước do Ngân hàng được uỷ nhiệm cho vay căn cứ vào dự án đầu tư được duyệt đã ghi trong Kế hoạch Nhà nước.

Đối với dự án dùng vốn vay nước ngoài (toàn bộ hoặc một phần), các điều khoản trong Hợp đồng uỷ nhiệm phải phù hợp các điều kiện, thể thức rút vốn, trả nợ (gốc, lãi) với nước ngoài theo Hiệp định tín dụng.

c) Nội dung Hợp đồng uỷ nhiệm bao gồm:

Đối với bên uỷ nhiệm: Trách nhiệm và phương thức giao vốn để bên nhận uỷ nhiệm có đủ vốn thực hiện cho vay theo kế hoạch; Kiểm tra việc sử dụng vốn vay và thu nợ.

Đối với bên nhận uỷ nhiệm: Trách nhiệm quản lý, cho vay và kiểm tra sử dụng vốn vay, thu nợ (gốc, lãi) của chủ đầu tư lập, gửi báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện đầu tư, cho vay và sử dụng vốn vay, hoàn trả số nợ đã tu (gốc, lãi) của các dự án cho bên uỷ nhiệm.

Lãi suất cho vay từng dự án, phí uỷ nhiệm Ngân hàng được hưởng, phương pháp tính và cách thanh toán.

3.2. Hợp đồng Tín dụng Nhà nước:

a) Cơ quan cho vay vốn ký Hợp đồng tín dụng Nhà nước với chủ đầu tư.

b) Điều kiện và căn cứ để ký Hợp đồng:

Chủ đầu tư đã mở Tài khoản tại cơ quan cho vay vốn.

Dự án được quyết định đầu tư bằng vốn Tín dụng Nhà nước.

Thông báo kế hoạch tín dụng năm được duyệt.

c) Nội dung Hợp đồng bao gồm các chỉ tiêu sau đây:

Lịch nhận vốn vay và thời gian trả nợ (gốc, lãi) của dự án.

Lịch nhận vốn vay hàng năm (đối với dự án thực hiện trên 1 năm) phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án đã ghi tng Kế hoạch Nhà nước hàng năm.

Các cam kết của chủ đầu tư vay bằng nguồn vốn nước ngoài phải phù hợp các điều khoản đã cam kết trong Hiệp định tín dụng.

4. Thẻ thực chủ đầu tư ký Hợp đồng Tín dụng Nhà nước.

4.1. Chủ đầu tư vay vốn của cơ quan cho vay vốn nơi có vốn đầu tư thực hiện.

4.2. Chủ đầu tư phải gửi đến cơ quan cho vay vốn các tài liệu sau đây (bản chính):

a) Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

Văn bản của cấp có thẩm quyền cho chuẩn bị đầu tư.

Kế hoạch chuẩn bị đầu tư được duyệt.

Văn bản chỉ định chủ đầu tư và quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng của cấp có thẩm quyền.

Văn bản đề nghị mở tài khoản và hợp đồng vay vốn tín dụng ưu đãi.

b) Giai đoạn chuẩn bị thực hiện dự án:

Kế hoạch chuẩn bị dự án được duyệt.

Quyết định đầu tư bằng vốn tín dụng Nhà nước.

c) Giai đoạn thực hiện dự án:

Tổng dự án được duyệt.

Quyết định giao đất và giấy phép xây dựng.

Các hợp đồng giao nhận thầu chủ đầu tư đã ký với các đơn vị, tổ chức tham gia thực hiện dự án.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ tài liệu, cơ quan cho vay vốn phải giải quyết xong thủ tục mở Tài khoản và ký Hợp đồng Tín dụng Nhà nước với chủ đầu tư.

Trường hợp phát hiện dự án không có hiệu quả hoặc không có khả năng thu hồi vốn, cơ quan cho vay vốn phải báo cáo cho cơ quan quyết định đầu tư và Tổng cục Đầu tư phát triển biết để xử lý.

5. Thẻ thực cho vay vốn Tín dụng Nhà nước.

5.1. Tài liệu làm căn cứ để cho chủ đầu tư vay vốn tín dụng Nhà nước gồm có:

Hợp đồng tín dụng Nhà nước đã ký.

Kế hoạch đầu tư năm được duyệt và thông báo hạn mức vốn vay quý.

5.2. Chủ đầu tư vay vốn để tạm ứng cho các đơn vị nhận thầu:

a) Vay vốn để tạm ứng về tư vấn

b) Vay vốn để tạm ứng về xây lắp: Đối với công trình chọn thầu và đấu thầu.